

Số: /2020/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế  
phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn  
dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam**

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,*

*Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.*

**Điều 1. Danh mục hoạt chất**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục số 01 Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục số 02 Danh mục hoạt chất hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.
2. Thông tư số 47/2017/TT-BYT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục các hóa chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Chế phẩm có chứa Chlorpyrifos ethyl, Hexythiazox, Fipronil, Beta-cyfluthrin, Cyfluthrin, Triclorfon, Diazion, Acephate, Methanol; chế phẩm chứa Emamectin benzoate, Spinosad không phù hợp phạm vi sử dụng hạn chế quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này đã được cấp số đăng ký lưu hành còn hiệu lực trước ngày thông tư có hiệu lực được sản xuất, nhập khẩu trong thời hạn 01 năm, được buôn bán, sử dụng tối đa 02 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Ngừng toàn bộ việc xử lý, thẩm định, tiếp nhận các hồ sơ đăng ký chế phẩm có chứa hoạt chất Chlorpyrifos ethyl, Hexythiazox, Fipronil, Beta-cyfluthrin, Cyfluthrin, Triclorfon, Diazion, Acephate, Methanol trong lĩnh vực gia dụng và y tế kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các chế phẩm dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có sử dụng các hoạt chất quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này đã được cấp số đăng ký lưu hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì chỉ được quảng cáo sản phẩm theo đúng phạm vi tác dụng đã được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký lưu hành. Trường hợp muốn quảng cáo mở rộng phạm vi tác dụng quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này, phải thực hiện việc đăng ký bổ sung theo quy định của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để xem xét giải quyết./.

##### ***Nơi nhận:***

- PTT. Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ);
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội (để b/c);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, MT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Xuân Tuyên**

## Phụ lục số 01

### DANH MỤC HOẠT CHẤT CẤM SỬ DỤNG TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên hoá chất	Mã số CAS
1.	Aldrin	309-00-2
2.	Technical hexachlorocyclohexane và các đồng phân	
3.	Benzene hexachloride (BHC)	89609-19-8
4.	Hợp chất chứa Cadmium	
5.	Chlordance	57-74-9
6.	Dichlorodiphenyltrichloroethane (DDT)	50-29-3
7.	Dichlovos	62-73-7
8.	Dieldrin	60-57-1
9.	Endrin	72-20-8
10.	Heptachlor	76-44-8
11.	Hexachlorobenzene	118-74-1
12.	Isobenzen	297-78-9
13.	Isodrin	465-73-6
14.	Hợp chất Chì	
15.	Lindane	58-89-9
16.	Methamidophos	10265-92-6
17.	Methyl Parathion	298-00-0
18.	Mirex	2385-85-5
19.	Monocrotophos	6923-22-4
20.	Naphthalene	91-20-3
21.	Paradichlorobenzene (1,4-Dichlorobenzene, p-DCB)	106-46-7

<b>TT</b>	<b>Tên hoá chất</b>	<b>Mã số CAS</b>
22.	Parathion Ethyl	56-38-2
23.	Pentachlorophenol (PCP) và các muối của hoá chất này	
24.	Perflurooctan sulfonic acid và các muối hoá chất này	
25.	Phosphamidon	13171-21-6
26.	Polychlorinated Biphenyls (PCB)	1336-36-3
27.	Strobane	8001-50-1
28.	Technical endosulfan và các đồng phân	
29.	Toxaphen	8001-35-2
30.	Chlordecone	143-50-0
31.	Chế phẩm sinh học diệt côn trùng, diệt khuẩn (trừ vi khuẩn: Bacillus thuringiensis israelensis (Bti), strain AM65-52, 266-2)	
32.	<i>Chlorpyrifos ethyl</i>	<i>39475-55-3</i>
33.	<i>Hexythiazox</i>	<i>78587-05-0</i>
34.	<i>Fipronil</i>	<i>120068-37-3</i>
35.	<i>Beta-cyfluthrin</i>	<i>68359-37-5</i>
36.	<i>Cyfluthrin</i>	<i>68359-37-5</i>
37.	<i>Trichlorfon</i>	<i>52-68-6</i>
38.	<i>Diazion</i>	<i>333-41-5</i>
39.	<i>Acephate</i>	<i>30560-19-1</i>
40.	<i>Methanol</i>	<i>67-56-1</i>

**Phụ lục số 02**  
**DANH MỤC HOẠT CHẤT HẠN CHẾ PHẠM VI SỬ DỤNG**  
**TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG**  
**LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên hoá chất	CAS-number	Quy định sử dụng
1.	Agnique™ MMF	52292-17-8	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống và nước sinh hoạt
2.	Bromchlophos	53095-31-1	Chỉ phun dạng ULV để diệt ruồi ngoài nhà
3.	Fenitrothion	122-14-5	Chỉ phun dạng ULV để diệt ruồi, muỗi, gián ngoài nhà
4.	Malathion	121-75-5	Chỉ phun dưới dạng ULV ngoài nhà để diệt muỗi sốt xuất huyết (chỉ sử dụng khi có hướng dẫn của cơ quan y tế)
5.	Novaluron	116714-46-6	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
6.	Pyriproxyfen	95737-68-1	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
7.	Diflubenzuron	35367-38-5	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
8.	Temephos	3383-96-8	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
9.	Methoprene	53092- 52-7	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy. Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
10.	Dimethyl phthalate	84-66-2	Nồng độ sử dụng dưới 30%, không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
11.	Diethyl toluamid	134-62-3	Không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
12.	<i>Spinosad</i>	<i>168316-95-8</i>	<i>Không sử dụng trong nước ăn uống, sinh hoạt</i>
13.	Bacillus thuringiensis israelensis (Bti), strain AM65-52, 266-2		Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy. Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt

<b>TT</b>	<b>Tên hoá chất</b>	<b>CAS-number</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
<i>14.</i>	<i>Emamectin benzoate</i>	<i>155569-91-8</i>	<i>Chỉ sử dụng trong chế phẩm dạng bả diệt gián hàm lượng dưới 0,2%</i>